

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06 -8-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Nhẫn.**

2. Ông **Hà Quốc Tuấn.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Hường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Hường** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Số 3, ấp Ông Y, xã Hòa M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);

- Bị đơn: Ông **Dương Trường S** (tên gọi khác: T), sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Số nhà R, ấp T, xã Thạnh Thới T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Vào năm 2010, sau thời gian quen biết ở Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị H và ông Dương Trường S kết hôn với nhau. Vợ chồng bà H ông S được Ủy ban nhân dân xã Hòa M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 144/2010 ngày 17/8/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng bà H ông S chung sống bên gia đình của bà H tại ấp Ông Yên, xã Hòa M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Được vài tháng sau thì ông S đòi đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà H không đồng ý. Từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, lớn tiếng và cha của bà H la rầy

nên ông S đã bỏ đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 22/10/2011 thì ông S quay về dùng dao gây thương tích cho cha mẹ của bà H. Sau đó ông S bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh xử phạt 07 năm tù. Kể từ đó đến nay, vợ chồng bà H ông S không còn tình cảm gì với nhau. Nay bà H biết được ông S đã chấp hành xong hình phạt tù nên yêu cầu ly hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà H, ông S không có con chung và không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Nay Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Dương Trường S.
- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung đối với ông Dương Trường S.
- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị H đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Trích lục Giấy chứng nhận kết hôn thể hiện nội dung số giấy đăng ký kết hôn số 144/2010 ngày 17/8/2010;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ cho ông Dương Trường S do ông Dương Văn Xe và bà Phan Thị Hoàng là cha mẹ ngụ cùng địa chỉ với ông Dương Trường S nhận thay các văn bản tố tụng. Do đó việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng được thực hiện theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông Dương Trường S không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Dương Trường S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội

đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Dương Trường S ly hôn. Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 27/9/2019, bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Dương Trường S có nơi cư trú tại số nhà R, ấp Thạnh Phú, xã Thạnh Thới Thuận, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Dương Trường S vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị H:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 bà Nguyễn Thị H và ông Dương Trường S kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 144/2010, ngày 17/8/2010. Căn cứ vào quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Dương Trường S là hợp pháp.

[3.2] Theo nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H: Sau khi kết hôn vợ chồng bà H ông S chung sống bên gia đình của bà H tại ấp Ông Yển, xã Hòa M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Được vài tháng sau thì ông S đòi đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà H không đồng ý. Từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, lớn tiếng và cha của bà H la rầy nên ông S đã bỏ đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 22/10/2011 thì ông S quay về dùng dao gây thương tích cho cha mẹ của bà H. Sau đó ông S bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xử phạt 07 năm tù. Kể từ đó đến nay, vợ chồng bà H ông S không còn tình cảm gì với nhau. Nay bà H biết được ông S đã chấp hành xong hình phạt tù nên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy những nội dung này đã được gửi trực tiếp cho ông Dương Trường S nhận sau khi thụ lý vụ án. Tuy nhiên ông Dương Trường S không có ý kiến hay phản đối những tình tiết, sự kiện trên. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bà Nguyễn Thị H đã xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng đã lên tới đỉnh điểm và không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với ông Dương Trường S. Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Dương Trường S hàn gắn tình cảm, tuy nhiên ông Dương

Trường S đều vắng mặt. Việc này đã thể hiện việc ông Dương Trường S không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Nguyễn Thị H. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Dương Trường S.

[3.3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có con chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Nguyễn Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Dương Trường S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Nguyễn Thị H, ông Dương Trường S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Dương Trường S. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H ông Dương Trường S theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 144/2010 do Ủy ban nhân dân xã Hòa M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 17/8/2010 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001976, ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (bà Nguyễn Thị H đã thực hiện xong). Ông Dương Trường S không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H, ông Dương Trường S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa M, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Thái Ngọc